PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 3

Chữ số La Mã. Làm tròn đến chục, trăm · sách Kết nối tri thức

Tuần 20

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Nối số La Mã với số tương ứng

1. XI	●	●	a. 12
2. IX	●	●	b. 19
3. XIX	●	●	c. 9
4. XX	●	●	d. 11
5. XII	●	●	e. 20

Bài 2: Số?

Làm tròn 6 808 đến hàng chục: ☐ Làm tròn 8 805 đến hàng chục: ☐

Làm tròn 5 572 đến hàng chục: ☐ Làm tròn 9 675 đến hàng chục: ☐

Làm tròn 5 030 đến hàng trăm: ☐ Làm tròn 2 466 đến hàng trăm: ☐

Bài 3: Điền dấu >, <, =

5 634 ☐ 5 364 4 618 ☐ 4 618 8 692 ☐ 8 962 3 645 ☐ 2 645

4 140 ☐ 4 104 3 080 ☐ 3 080 3 124 ☐ 3 142 8 826 ☐ 8 286

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S

☐ a) Số IX đọc là chín.

☐ b) Số XI đọc là chín.

☐ c) Làm tròn số 3 450 đến hàng trăm được 3 500.

Bài 5: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. Mặt đồng hồ có kim giờ chỉ vào số VIII. Số đó là:

(A) 7 (B) 8 (C) 9 (D) 13

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN – TOÁN LỚP 3

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 20

Bài 1: Nối số La Mã với số tương ứng

1 – **d** 2 – **c** 3 – **b** 4 – **e** 5 – **a**

Bài 2: Số?

Làm tròn 6 808 đến hàng chục: **6 810** Làm tròn 8 805 đến hàng chục: **8 810**

Làm tròn 5 572 đến hàng chục: **5 570** Làm tròn 9 675 đến hàng chục: **9 680**

Làm tròn 5 030 đến hàng trăm: **5 000** Làm tròn 2 466 đến hàng trăm: **2 500**

Bài 3: Điền dấu >, <, =

5 634 > 5 364 4 618 = 4 618 8 692 < 8 962 3 645 > 2 645 4 140 > 4 104 3 080 = 3 080

3 124 < 3 142 8 826 > 8 286

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) **Đ** b) **S** c) **Đ**

Bài 5: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. **B** (8)

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án